

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/HS-ST
Ngày: 01/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nghiêm Xuân Hoàng

Nghề nghiệp: Giáo viên - Chủ tịch Hội khuyến học quận Phú Nhuận

2/ Bà Huỳnh Anh Phương Thảo-

Nghề nghiệp: Bí thư Quận đoàn quận Phú Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 6 năm 2022, ngày 01 tháng 7 năm 2022 (Tuyên án) tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Lê Nhật T; sinh năm 2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 48 Đường N, Phường M, Thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: 125/77/11 Đường B, phường H, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Mỹ H (sinh năm 1975) và bà: Nguyễn Thị H (sinh năm 1976); và anh trai: Lê Đăng K (sinh năm 1996); vợ con: chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/06/2019, tạm giam từ ngày 04/7/2019 tại Nhà giam giữ Công an quận Phú Nhuận.

2/ Nguyễn Y H; sinh năm 1998 tại Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C03-05A chung cư B, số 685 Đường A, Phường T, quận P, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn T.S (sinh năm 1960) và bà: Nguyễn Thị P.H (sinh năm 1971); có anh trai: Nguyễn Thanh P (sinh năm 1994); vợ con: chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2020 đến nay tại nhà tạm giữ Công an quận Phú Nhuận.

3/ Trần Phương N; sinh ngày 19 tháng 9 năm 2003 tại TP.Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 286/6 đường M, phường N, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Thiện Đ (sinh năm 1969) và bà: Nguyễn Thị Việt P (sinh năm 1979); tiền án: không; tiền sự: không; đang tại ngoại (bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/11/2020 và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 26/11/2020 cho đến nay).

4/ Lê Kiến D; sinh ngày 10 tháng 02 năm 2003 tại TP.HCM; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 257/40/6Q ấp 2, xã T, huyện M, TP.HCM; nơi cư trú: 23 đường T, phường K, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Quang M (sinh năm 1956) và bà: Nguyễn Thị Đ (sinh năm 1983); tiền án: Không; tiền sự: Không; đang tại ngoại (bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/12/2020 và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 26/11/2020 cho đến nay).

5/ Lê Ngọc Y; sinh ngày 21 tháng 06 năm 2003 tại TP.HCM; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 436B/84/22 đường S, phường Z, quận U, TP.HCM; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn H (đã chết) và bà: Bùi Ngọc L (sinh năm 1977); tiền án: không; tiền sự: Không; nhân thân: tốt; đang tại ngoại (bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/06/2021 và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 07/6/2021 cho đến nay).

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh H:

1. Ông Nguyễn Công Đ, Luật sư của Công ty Luật TNHH Một thành viên S (có mặt).

2. Ông Nguyễn Ngọc Q, Luật sư của Công ty Luật TNHH Một thành viên S (có đơn xin vắng mặt).

3. Luật sư Nguyễn Thị P, Luật sư của Công ty Luật TNHH Một thành viên S (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Phương N:

Ông Phan Y S, Luật sư của Công ty Luật TNHH Một thành viên N – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc Y:

Bà Nguyễn Ngọc Túy L, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Kiến D:

Ông Huỳnh Tấn D, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị hại: Lâm Thị Ngọc Tr, sinh ngày 12/8/2003 (có mặt).

Địa chỉ: 1/101 ấp Đ, xã L, huyện C, TP.HCM.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại:

Ông Đặng Đức T, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Linh T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: 69/9 Tổ 2, khu phố 10, phường C, Quận R, TP.HCM.

2. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: 103 Tổ 3, Ấp 2, xã P, huyện N, TP.HCM.

3. Bà Hoàng Kim Ng, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Chung cư A, phường Đ, Quận B, TP.HCM.

4. Bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: 144/3/3 đường L, phường T, quận C, TP.HCM.

5. Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: 322 chung cư B, Phường G, quận T, TP.HCM.

6. Bà Phạm Thị Huệ, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: 21/6 đường X, xã T, huyện M, TP.HCM.

7. Ông Phan Thành C, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: 101/2B Khu phố 1, phường G, Quận F, TP.HCM.

8. Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: 126 đường Th, phường Q quận U, TP.HCM.

9. Em Nguyễn Nhật E, sinh ngày 23/9/2005 (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của Em Nguyễn Nhật E:

Bà Trương Thị H, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: 19 hẻm 1243 đường V, xã K, huyện N, TP.HCM.

(Là mẹ ruột của Em Nguyễn Nhật E).

10. Ông Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1994(vắng mặt).

Địa chỉ: 144/3/3 đường S, phường D, quận U, Tp. HCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn về tiền bạc giữa Trần Phương N (sinh ngày: 19/9/2003) và Lâm Thị Ngọc Tr (sinh ngày: 12/8/2003, tên gọi khác: Meo Meo), nên N nhờ Nguyễn Y H đòi nợ cho N, H đồng ý. Khoảng hơn 02 giờ 00 phút ngày 27/6/2019, Nguyễn Y H, Trần Phương N, Lê Ngọc Y (sinh ngày: 21/6/2003) và Lê Kiến D (sinh ngày: 10/02/2003) cùng uống cà phê tại đường V, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thì N và H nói chuyện về việc Tr nợ tiền N, muốn tìm Tr về để đòi tiền. Một lúc sau, D chở bạn của D về đường C, do D biết Tr ở xã A, huyện C nên H nói với N đưa điện thoại di động của N cho D mang theo, nếu D thấy Tr ở đâu thì gọi báo cho H và N biết để bàn cách bắt Tr.

Khoảng 03 giờ 00 phút cùng ngày, N lấy điện thoại của H gọi vào điện thoại của N để liên lạc với D; D báo cho N biết là phát hiện Tr ở xã A, huyện C, N nghe xong liền đưa điện thoại cho H tiếp tục nghe và H nói D quay lại quán cà phê tại đường V bàn cách đi bắt Tr. Sau đó, H nhắn tin messenger vào group “Luxubu pub” tìm người hỗ trợ đi bắt Tr thì Lê Nhật T đồng ý và nói H qua nhà chờ vì T không có xe. Sau khi D quay về quán cà phê báo lại việc thấy Tr ở xã A thì H và N rủ D, Y đi cùng xuống đường C để tìm bắt Tr về đòi nợ thì D và Y đồng ý. Do không đủ xe chở nên N rủ Nguyễn Nhật E (sinh ngày: 23/9/2005) cùng đi bắt Tr để đòi nợ, E đồng ý. Sau đó cả nhóm cùng đi qua quận S đón T (H chở N, Nam chở Y, D chở T) rồi đi đến xã A, huyện C nơi Tr ở theo sự dẫn đường của D.

Khoảng 05 giờ 00 phút cùng ngày, cả nhóm đến nơi ở của Tr tại A1/1 đường 80, xã A, huyện C, lúc này H, T, E và Y dừng xe đứng chờ ở phía ngoài dãy trọ, còn D và N vào gõ cửa phòng trọ tìm Tr thì có nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) trong phòng ra mở cửa, xác nhận có Tr trong phòng, N kêu Tr ra nói chuyện, D đi ra chỗ H và T để N và Tr nói chuyện trước cửa phòng trọ, N đòi nợ Tr số tiền 7.000.000 đồng là tiền quy đổi từ chiếc điện thoại (01 điện thoại Samsung J7 Prime) mà ông Nguyễn Huỳnh Q (quản lý quán FIJI) cho Tr mượn để sử dụng khi làm việc tại quán trên, rồi Tr nghỉ việc nhưng không trả lại điện thoại cho ông Q. Tr nói không có tiền và không đồng ý trả số tiền trên cho N vì chiếc điện thoại trên là của Q, Tr đã nói chuyện với Q sau này sẽ trả khi Tr đi làm có tiền nhưng N không đồng ý, bắt buộc Tr phải trả 7.000.000 đồng cho N. Nói qua lại khoảng 5-10 phút nhưng không thống nhất được việc trả tiền trên, N kêu Tr ra ngoài hẻm nói chuyện giải quyết cho lẹ, Tr quay vào phòng trọ lấy nón bảo hiểm, khẩu trang đi ra đầu dãy phòng trọ (cách phòng trọ của Tr khoảng 13m) định đi với N thì Tr nhìn thấy ngoài N và D còn có 04 thanh niên (H, T, Y, E), đông người và cảm thấy nguy hiểm nên Tr sợ và không muốn đi nữa, Tr

tiếp tục đứng nói chuyện với N. Một lúc sau, H nói lớn *“thôi mệt quá, bắt nó về quán cà phê nói chuyện”* thì D từ vị trí của mình (cách Tr 0,6m) bước tới chỗ Tr đứng và nói *“thôi chị lên xe dùm em”* rồi vỗ vai Tr, kéo tay Tr về hướng xe của Nam (vị trí xe cách Tr 1,8m) nói Tr lên xe ngồi, sau đó D nói *“E, mày chở Tr đi”*, Y đang ngồi trên xe thì nghe H nói *“Cho Tr ngồi giữa không thôi nó nhảy”* nên Y bước xuống xe để Tr ngồi sau lưng E rồi Y cũng lên xe ngồi phía sau kẹp Tr ở giữa. Khi cả nhóm chạy được một đoạn, H nói chở Tr về quán cà phê của anh ruột H, cả nhóm đồng ý và cùng chạy theo H về quán cà phê Chair (địa chỉ: 465 đường H, Phường I, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh).

Khoảng 07 giờ 00 phút cùng ngày, cả nhóm của H đưa Tr về tới quán cà phê Chair nhưng quán chưa mở cửa, H lấy điện thoại gọi cho Nguyễn Thanh P (anh ruột của H), một lúc sau bạn gái của P ra mở cửa quán cho H, rồi đi về. H, N, T và Tr vào bên trong ngồi ở bàn trước quầy pha chế, N ngồi phía ngoài cùng, bên phải của N là vị trí ngồi của H, đối diện H với N là Tr ngồi (cách nhau 01 bàn gỗ, khoảng cách giữa H, N và Tr là 1,68m), bên trái Tr là vị trí T ngồi hướng đối diện cửa ra vào, còn D, Y và Nam lấy ghế ngồi trước cửa quán cách chỗ Tr ngồi khoảng 3m. Sau đó, H và T đi ăn sáng trước, D, Y và E ngồi trước quán, N và Tr ngồi trong quán. Khi H và T đi ăn sáng về thì D, Y và E đi ăn sáng. Lúc này trong quán cà phê chỉ còn H, N, T và Tr. N yêu cầu Tr đến 8 giờ phải liên hệ với người nhà, bạn bè để trả nợ cho N, nếu không sẽ dùng biện pháp mạnh như đánh, viết giấy nợ. Nghe N nói vậy thì H lấy điện thoại của H đưa cho Tr và nói *“mày làm sao thì làm, tới lúc điện thoại của tao hết pin mà chưa có tiền trả thì mày tự hiểu đi, đến 8 giờ mà không có tiền trả thì sẽ cắt 01 khớp gối”*, T nói với Tr *“nếu tới 8 giờ mà chưa có tiền thì tao xin 01 khớp gối của mày và nếu đến 10 giờ mà cũng chưa có tiền thì xin khớp gối còn lại”*. Tr cầm điện thoại của H đưa giả vờ nhắn tin làm theo lời H yêu cầu nhưng Tr chỉ nhắn tin liên lạc bạn bè nhờ báo Công an giúp là Tr đang bị bắt giữ nhưng không có ai đồng ý giúp. Đến 8 giờ vẫn không thấy ai đến đưa tiền cho Tr trả nợ nên N nói với Tr *“sao 8 giờ rồi, đã đưa điện thoại sao không có tiền”*. Tr trả lời là không có tiền. Lúc này, H nhìn qua T thì T hiểu ý của H là kêu T tiếp tục đe dọa Tr. Lúc này T hỏi H *“có gì bén bén không anh”*, H trả lời *“ở đây cái gì cũng bén”*, H chỉ T chỗ để dao ở quầy pha chế. H và N nhìn thấy T đến quầy pha chế lấy dao và cùng hiểu T lấy dao để đe dọa buộc Tr trả tiền nhưng không có ý kiến gì. T bước đến quầy pha chế lấy 01 con dao cán nhựa màu đen, dài khoảng 10 cm, lưỡi dao bằng kim loại có lỗ tròn, dài khoảng 15cm cầm trên tay và yêu cầu Tr đi lên lầu 2 (Tr đi trước và T cầm dao để sau lưng đi theo sau Tr) rồi T chốt cửa lại. Lúc này Tr ngồi ghế dựa tường, T lấy ghế ngồi đối diện và dùng dao rà lên người Tr và nói cửa chân của Tr để đe dọa. Tr khóc và van xin T tha cho Tr, muốn gì Tr cũng làm. T yêu cầu Tr vào phòng vệ sinh, T để con dao ở kệ kế bên phòng vệ sinh và yêu cầu Tr cởi quần áo ra để T chụp hình, quay phim mục đích uy hiếp tinh thần Tr để Tr phải trả tiền. T đóng cửa phòng vệ sinh lại, vì sợ hãi nên Tr đã làm theo yêu cầu của T. Sau đó, T yêu cầu Tr ngồi lên bồn cầu, lúc này, T nảy sinh ý định buộc

Tr thỏa mãn nhu cầu tình dục của mình nên T tiến lại gần dùng tay phải sờ ngực Tr được hơn 02 phút thì T dùng tay phải đưa sâu vào âm đạo của Tr, thụt ra thụt vô nhiều lần, tay trái thì giữ tay Tr lại, Tr vùng vẫy chống cự đẩy tay phải của T ra nhưng do sức yếu nên Tr không chống cự được. T thực hiện hành vi như vậy khoảng 05 phút thì mở dây kéo quần lấy dương vật của T ra để sát vào mặt Tr, dùng tay phải cầm dương vật, tay trái ấn đầu Tr và đưa dương vật vào miệng Tr được khoảng 10 phút thì xuất tinh trong miệng Tr, Tr nhổ bô tinh dịch ra ngoài, T dùng vòi xịt của bồn cầu xịt cho tinh dịch trôi đi. T kêu Tr rửa miệng và đi ra ngoài ngồi, T cầm dao dọa và yêu cầu Tr không được nói cho ai biết việc T đã thực hiện hành vi nêu trên đối với Tr và bắt Tr 10 phút sau mới được đi xuống dưới tầng trệt. T xuống gặp H và N, T nói “*xong hết rồi anh, giờ mình ngồi chờ chiều ba má nó lên trả tiền*”. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, H chở N về nhà của N và nói với T “*mày ở đây canh Tr đi, anh chở N về rồi anh mang quần áo, đồ ăn lên cho mày*”. T và Tr ngồi tại quán cà phê một lúc thì D và Y quay lại quán. Sau đó, có 2 khách đến quán uống nước và lên lầu 2 ngồi. Lúc này, Tr giả vờ xin T lên lầu 2 để đi vệ sinh thì T đồng ý. Tr lên lầu 2 gặp khách uống cà phê trình bày sự việc bị bắt giữ và nhờ báo Công an giải quyết. Người khách đưa Tr mượn điện thoại gọi báo Công an Phường I, quận N. Khoảng 15 phút sau Công an đến mời T, D và Y về phường làm việc.

Quá trình điều tra xác định:

Trần Phương N: N biết sự việc ông Nguyễn Huỳnh Q (quản lý quán FIJI) cho Tr mượn 01 điện thoại Samsung J7 Prime để sử dụng khi làm việc tại quán trên, rồi Tr nghỉ việc không trả lại cho ông Q, do biết N có chơi chung với Tr nên Q nhờ N đòi lại chiếc điện thoại trên, ngoài ra Tr có mượn N một số quần áo chưa trả nên N tìm Tr để đòi, N quy đổi chiếc điện thoại trên và số quần áo Tr còn thiếu N ra số tiền 7.000.000 đồng và buộc Tr phải trả. Sau đó N liên lạc với H và gặp cả nhóm trên tại quán cà phê tại đường V, Quận A rồi cùng nhau xuống đường C bắt giữ Tr đưa về quán cà phê Chair ở số 465 đường H, Phường I, quận N để đòi nợ như đã nêu trên. Quá trình đòi nợ, N là người trực tiếp đòi, H và T là người đe dọa buộc Tr phải trả nợ, khi T lấy dao yêu cầu Tr lên lầu để đòi nợ cho N thì N biết và không có ý kiến gì.

Nguyễn Y H: H và N là người yêu của nhau, khi biết N có N cầu tìm Tr để đòi nợ thì H đồng ý giúp N và cùng với N, Lê Ngọc Y, Lê Kiến D, Nguyễn Nhật T, Nguyễn Nhật E xuống Đường C tìm bắt Tr để đòi nợ cho N. Khi đến phòng trọ của Tr, do N đòi nợ nhưng Tr không trả nên H yêu cầu bắt Tr về quán cà phê thì D thực hiện việc bắt giữ Tr đưa lên xe của Nam, Y ngồi phía sau giữ Tr để Nam chở về quán cà phê Chair của anh H ở số 465 đường H, Phường 13, quận N. Tại đây, N đòi nợ Tr thì N, H và T đe dọa buộc Tr phải trả nợ, khi T hỏi “*ở đây có gì bén bén*” và biết rõ việc T lấy dao là để đe dọa Tr buộc Tr trả nợ nhưng H vẫn chỉ chỗ cho T lấy dao và không có ý kiến gì.

Lê Kiến D: Qua group chat D biết được việc N có ý định tìm Tr để đòi nợ nên ngày 27/6/2019 D với Y gặp N và H ở quán cà phê trên đường V, Quận I. D nói có nghe thông tin Tr đang ở Đường C, cùng lúc đó D có việc chở bạn về Đường C nên N và H nhờ D xuống dưới Đường C kiểm tra nếu có thấy Tr ở đó thì báo cho cả nhóm xuống bắt Tr. Sau khi xác định có Tr ở Đường C thì D quay lại quán cà phê trên và đi cùng cả nhóm xuống khu vực nhà trọ của Tr ở Đường C. Khi N đòi nợ nhưng Tr không trả thì H hét lên *“Thôi mệt quá, bắt nó về quán cà phê nói chuyện”*, liền sau câu nói của H thì D đi đến vỗ vai, nắm tay dắt Tr lên xe của Nam, Tr ngồi giữa, Y ngồi phía sau để chở về quán cà phê Chair của anh ruột H ở quận N như đã nêu trên. Việc D đi theo cả nhóm bắt giữ Tr là do D muốn giúp H vì H là quản lý nơi D đang làm việc.

Lê Ngọc Y: ngày 27/6/2019, Y đi cùng D đến quán cà phê trên đường V gặp N và H, tại đây N nói việc Tr thiếu nợ N tiền, H và N cùng bàn cách tìm bắt Tr. Sau đó, D chở bạn xuống Đường C gọi điện báo về có Tr đang ở Đường C và D quay trở lại quán cà phê ở đường V thì cả nhóm cùng bàn nhau việc xuống Đường C để bắt Tr về đòi nợ. Khi đến nhà trọ của Tr ở Đường C thì N đòi nợ và H là người kêu bắt Tr, Y chứng kiến toàn bộ quá trình bắt giữ Tr và không có ý kiến gì, khi D đưa Tr lên xe E thì Y lên ngồi phía sau vì nghe H nói *“cho Tr ngồi giữa không thôi nó nhảy”*.

Nguyễn Nhật E: Biết việc đi bắt giữ Tr là trái pháp luật nhưng do N rủ đi cùng và hứa sẽ đãi ăn uống nếu đòi được nợ nên đã cùng đi và cùng thực hiện hành vi bắt giữ Tr như đã nêu trên.

Lê Nhật T: H có nói T việc N là bạn gái H bị người khác thiếu nợ không trả và H rủ T xuống Đường C bắt giữ Tr để đòi nợ cho N, T biết việc bắt giữ người là trái pháp luật nhưng do H là quản lý nơi T làm việc nên T đồng ý giúp H, sau đi xuống Đường C bắt giữ được Tr và đưa về quán cà phê Chair thì N là người trực tiếp đòi nợ Tr nhưng Tr nói không có tiền trả, H đã đưa điện thoại cho Tr liên lạc với người thân mang tiền lên trả nhưng Tr vẫn không có tiền để trả nên N, H và T đã đe dọa viết giấy nợ, đánh, cắt khớp gông buộc Tr phải trả nợ và đến 08 giờ sáng ngày 27/6/2019 Tr vẫn không có tiền để trả thì H nhìn T, T hiểu ý H muốn T đe dọa buộc Tr trả tiền nên hỏi H nơi để dao rồi T lấy dao yêu cầu Tr lên tầng 2 quán cà phê trên thực hiện hành vi dùng dao đe dọa dùng vũ lực để buộc Tr trả nợ và thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của Tr. Sau đó, T xuống gặp H và N, T nói *“xong hết rồi anh, giờ mình ngồi chờ chiều ba má nó lên trả tiền”*. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, H chở N về và H nói với T *“mày ở đây canh Tr đi, anh chở N về rồi anh mang quần áo, đồ ăn lên cho mày”* rồi bị Công an kiểm tra bắt giữ sau đó. Ngoài ra, T còn khai có chụp 01 ảnh và quay 01 clip nhạy cảm của Tr, T đã lưu vào trong máy và do sơ suất trong chuyển file cá nhân, T đã chuyển cho những người bạn trong nhóm chat của T (Đ, H.M, H.T), T không có ý định truyền bá những hình ảnh và clip này.

Lâm Thị Ngọc Tr: Khi Tr vào làm việc tại quán FIJI (địa chỉ: 103 đường V, phường L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh) thì ông Nguyễn Huỳnh Q (quản lý quán FIJI) thấy Tr không có điện thoại sử dụng nên Q cho Tr mượn 01 điện thoại Samsung J7 Prime (đã qua sử dụng) với mục đích để hỗ trợ Tr trong việc đặt bàn cho khách. Làm được một thời gian thì Tr giới thiệu Trần Phương N (sinh ngày: 19/9/2003) vào làm việc chung. Đến khoảng đầu tháng 6/2019, Tr nghỉ việc và bị giật túi xách nên bị mất luôn chiếc điện thoại của Q, Q có liên lạc đòi điện thoại và Tr hứa đi làm có tiền sẽ trả lại sau cho ông Q. Ngày 27/6/2019, khi N đi cùng D xuống phòng trọ tìm Tr đòi 7.000.000 đồng là tiền quy đổi từ chiếc điện thoại của Q đưa cho Tr đã bị mất thì Tr không đồng ý và nói không có tiền nhưng N không chịu mà N đòi ra quán cà phê nói chuyện, nghĩ là chỉ có D và N nên Tr đồng ý đi nhưng khi ra đến đầu dãy phòng trọ thấy có nhiều thanh niên đi cùng N nên Tr không đồng ý đi theo. Khi H hét lên đòi bắt Tr thì D tiến đến vỗ vai dắt Tr lên xe của E, Tr vì quá hoảng sợ không dám chống cự nên bị bắt giữ như đã nêu trên. Sau khi cả nhóm đưa Tr về quán cà phê Chair thì N, H và T là người đe dọa buộc Tr phải trả nợ cho N, rồi T đã thực hiện hành vi hiếp dâm Tr như đã nêu trên. Việc H đưa điện thoại cho Tr và yêu cầu Tr liên lạc với người nhà để mang tiền đến trả thì Tr cũng giả vờ làm theo lời H để đối phó. Tr không dám bỏ chạy thoát thân hoặc cầu cứu vì H nói “*khu này là khu của H*” và còn có Y, D và E ngồi trước cửa quán, H và N ngồi trước mặt của Tr.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 113/TD.19 ngày 08/7/2019 của Trung tâm pháp y Thành phố Hồ Chí Minh đối với Lâm Thị Ngọc Tr kết luận:

- Màng trinh: dẫn rộng, rách cũ tại vị trí 6 giờ.
- Có tinh trùng trong dịch phết âm đạo.
- Không thấy tinh trùng tại vùng hậu môn.
- Có tế bào người nam:
- + Trong âm đạo, đủ cơ sở đối chiếu mẫu ADN của đối tượng nam.
- + Tại vùng hậu môn nhưng không đủ cơ sở đối chiếu với mẫu ADN của đối tượng nam. (bút lục 265 đến 267)

Tại bản kết luận giám định pháp y về ADN số 1.188A-2019/ADN ngày 23/7/2019 của Trung tâm pháp y Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Trong mẫu phết răng của Lâm Thị Ngọc Tr có hiện diện ADN người nam, nhưng không đủ làm cơ sở so sánh đối chiếu. Do đó, không đủ cơ sở kết luận ADN của Lê Nhật T có hiện diện trong mẫu phết răng.
- ADN của Lâm Thị Ngọc Tr:
- + Không hiện diện trong mẫu phết quy đầu dương vật của Lê Nhật T.

+ Có hiện diện trong mẫu phết thân dương vật và mặt ngoài bao quy đầu của Lê Nhật T.

- ADN của Lê Nhật T không hiện diện trong mẫu phết dịch âm đạo của Lâm Thị Ngọc Tr. (bút lục 268 đến 273)

Thiệt hại xảy ra trong vụ án: Quyền tự do thân thể; danh dự, nhân phẩm của bị hại; tài sản chiếm đoạt là 7.000.000 đồng (nhưng chưa chiếm đoạt được).

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Trần Phương N chưa đủ 16 tuổi, Nguyễn Nhật E chưa đủ 14 tuổi nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Đối với Lê Kiến D, Lê Ngọc Y và Nguyễn Nhật E khi đến quán cà phê Chair thì chỉ ngồi tại cửa ra vào của quán, không có hành vi hoặc lời nói gì đe dọa buộc Tr trả tiền cho N nên không chịu trách nhiệm hình sự về hành vi “Cưỡng đoạt tài sản”.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Phú Nhuận đã quyết định khởi tố điều tra đối với:

Lê Nhật T về hành vi “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”.

Nguyễn Y H, Lê Nhật T, Lê Kiến D và Lê Ngọc Y về hành vi “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Nguyễn Y H, Trần Phương N, Lê Nhật T về hành vi “Cưỡng đoạt tài sản”.

Đối với hành vi của Lê Nhật T gửi hình ảnh và clip nhạy cảm của bị hại Tr: quá trình điều tra xác định T không có ý truyền bá, do sơ suất trong quá trình cất lưu vào file cá nhân, đồng thời qua giám định không đủ định lượng cấu thành cơ bản của tội “Truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy” theo quy định tại Điều 326 Bộ luật Hình sự, ngoài ra các đối tượng (Đ, H.M, H.T) hiện chưa xác định được lai lịch; do vậy, xác định việc T có chụp hình và quay clip nhạy cảm đối với Tr chỉ nhằm mục đích uy hiếp tinh thần để Tr trả nợ trong hành vi “Cưỡng đoạt tài sản”.

Đối với chủ quán cà phê Chair: ông Nguyễn Thanh Ph xác định do H là em ruột yêu cầu mở quán để khách của H vào uống nước, ông Ph đồng ý ra mở quán, ông Ph không biết H sử dụng quán làm nơi giữ bị hại và thực hiện hành vi tội phạm tiếp theo như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKS.PN ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Lê Nhật T về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” theo điểm a khoản 1 Điều 142 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Nguyễn Y H, Lê Nhật T, Lê Kiến D và Lê Ngọc Y về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Nguyễn Y H, Trần Phương N, Lê Nhật T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; về phía người bị hại xin bãi nại và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N và bị cáo T vì phía N và T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vẫn giữ nguyên lời khai và ý kiến của mình như trong quá trình điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo đúng nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại, nêu lên những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (bị cáo H, N là xúi giục người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này), giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cha của bị cáo N là người có công với nước được Nhà nước tặng thưởng: ông nội là Liệt sỹ, cha công tác trong lực lượng Công an nhân dân và được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất) tương ứng với từng bị cáo; đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 157; điểm c khoản 2 Điều 170; điểm a khoản 1 Điều 142; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 55; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tương ứng xử phạt các bị cáo:

+ Lê Nhật T: 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”, 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, 03 năm đến 03 năm 06 tháng về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 03 tội từ: 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù, miễn áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Nguyễn Y H: 03 năm đến 03 năm 6 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 tội từ: 07 năm đến 08 năm tù, miễn áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Trần Phương N: 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Lê Kiến D: 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, thời gian thử thách là từ 02 năm đến 03 năm không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Lê Ngọc Y: 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, thời gian thử thách là từ 02 năm đến 03 năm không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Y H:* Không đồng ý với tội danh “Bắt, giữ người trái pháp luật” mà Viện kiểm sát truy tố vì H không có hành động nào ngăn cản, tước đoạt sự tự do, chuyển dịch thân thể cũng như không đe dọa dùng vũ lực để bị hại Tr bị buộc phải đến nơi trái ý muốn, mà bị hại Tr tự nguyện đi cùng với các bị cáo. Trong suốt quá trình bị hại không có lời nói hay hành động nào thể hiện thay đổi ý định đi cùng trước đó(bị hại mang nón bảo hiểm theo), như vậy bị hại đồng ý đi cùng với các bị cáo đến quán cà phê để giải quyết nợ tiền là đúng sự thật khách quan của vụ án. Hơn nữa các bị cáo gặp Tr để đòi tiền chứ không có ý định bắt giữ, và khi ở quán cafe bị hại vẫn được đi lại, bị hại hoàn toàn có quyền tự do và không bị khống chế. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét H không phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản” thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét H chỉ dùng từ ngữ hù dọa chứ không có hành động gì nguy hiểm và thiệt hại chưa xảy ra, bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn, phạm tội lần đầu, hoàn cảnh gia đình khó khăn, ba mất, con nhỏ hơn 2 tuổi; đề nghị xem xét cho bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho hưởng án treo.

- *Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Trần Phương N:* đề nghị Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo N vì những lý do sau đây: Hành vi cưỡng đoạt thiệt hại chưa xảy ra, thuộc trường hợp phạm tội chưa D, bị cáo N phạm tội do bông bột, khi phạm tội mới 15 tuổi còn chưa hoàn thiện về nhân cách; nhân thân tốt có ông nội là Liệt sỹ, ba tham gia trong lực lượng vũ trang được Chủ tịch nước tặng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng nhất, đã tích cực thăm hỏi bị hại Tr, bồi thường tổn thất tinh thần cho Tr và được bị hại có đơn đề nghị bãi nại; hiện N đang là sinh viên trường Cao đẳng L và nhà trường nơi N học cũng có đơn xin bảo lãnh để bị cáo được tiếp tục học tập và rèn luyện. Đề nghị áp dụng khoản 2 điều 91 Bộ luật Hình sự về nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội chưa thành niên dưới 16 tuổi để miễn trách nhiệm hình sự cho N.

- *Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc Y:* thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát truy tố; nhưng xét thấy trong vụ án này đối với tội danh “Bắt, giữ người trái pháp luật” thì bị cáo tham gia thực hiện theo mệnh lệnh của bị cáo H và khi phạm tội là người dưới 18 tuổi. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng xử bị cáo mức án nhẹ nhất và cho bị cáo hưởng án treo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với trường hợp của bị cáo.

- *Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lê Kiến D:* đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo vì lý do sau: D xuất thân gia đình nghèo, cha mẹ ly hôn, bị cáo D được ông ngoại nuôi dưỡng, cuộc sống khó khăn học đến lớp 10 phải nghỉ học kiếm tiền phụ ông ngoại già yếu, D sống thiếu tình thương gia đình nên dễ bị bạn bè lôi kéo, khi phạm tội mới được 16 tuổi 4 tháng, nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, hiện xin

làm tài xế Grab để có tiền phụ gia đình, trong quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

- *Ý kiến Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại:*

Thống nhất tội danh, điều khoản và mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- *Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* không có ý kiến gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát:* Qua thực tế diễn biến sự việc, H là người phát ra hiệu lệnh nên D mới dắt Tr lên xe, không cần phải đánh đập cũng làm tê liệt ý chí bị hại, tại phần xét hỏi hôm nay các bị cáo cũng đều thừa nhận bị hại không tự nguyện, bị hại lúc đầu đồng ý đi theo N và D nhưng sau khi ra thấy các bị cáo rất đông thì bị hại hoảng sợ không muốn đi; khi về quán cà phê có 03 người xung quanh để canh chừng bị hại, ngoài ra phía ngoài có D, Y, E đứng ngoài quán, bị hại xác định không thể chạy thoát nên nhắn tin nhờ trợ giúp và khi có khách đến cầu cứu khách báo Công an đến làm việc; do vậy vẫn giữ nguyên quan điểm đối với bị cáo H về hành vi bắt giữ người trái pháp luật và không thể khoan hồng cho bị cáo H hưởng án treo về hành vi Cường đoạt tài sản, đồng thời giữ nguyên quan điểm đối với các nội dung khác như đã nêu trong lời luận tội.

- *Ý kiến tranh luận của các người bào chữa:* giữ nguyên quan điểm bào chữa.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do các bị can, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về trình tự thu thập đối với những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu của vụ án được thu thập trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều đúng trình tự theo quy định pháp luật tố tụng, còn về mặt nội dung sẽ do Hội đồng xét xử đánh giá, xem xét, quyết định.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các

bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận tội của bị cáo, đối chiếu với nội dung lời khai của người cùng thực hiện hành vi, người làm chứng, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, kết luận giám định, vật chứng cùng các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định:

+ Đối với tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”: Các bị cáo Nguyễn Y H, Lê Nhật T, Lê Kiến D, Lê Ngọc Y, cùng với Trần Phương N (chưa đủ 16 tuổi khi thực hiện hành vi), Nguyễn Nhật E (chưa đủ 14 tuổi khi thực hiện hành vi) đã thống nhất ý chí hành động thực hiện hành vi uy hiếp tinh thần, đưa bị hại lên xe kẹp giữa hai người trái với ý muốn của bị hại và chở đi, sau đó giữ bị hại tại quán cà phê Chair để thực hiện việc đòi nợ tài sản (bị hại là người dưới 16 tuổi khi bị bắt, giữ); đồng thời xác định trong vụ việc này, không có sự bàn bạc thống nhất theo một kế hoạch nào mà các bị cáo thực hiện hành vi khi có yêu cầu của bị cáo Nguyễn Y H, nên có phần nào thiếu tính chặt chẽ; do vậy các bị cáo Nguyễn Y H, Lê Nhật T, Lê Kiến D và Lê Ngọc Y bị truy tố và xét xử về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” với tình tiết định khung là “Phạm tội đối với người dưới 18 tuổi”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm e khoản 2 Điều 257 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trần Phương N (chưa đủ 16 tuổi khi thực hiện hành vi), Nguyễn Nhật E (chưa đủ 14 tuổi khi thực hiện hành vi), nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” trong trường hợp này theo khoản 1 Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

+ Đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản”: Các bị cáo Nguyễn Y H, Trần Phương N và Lê Nhật T đã thống nhất ý chí hành động thực hiện hành vi đe dọa dùng vũ lực và thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần của bị hại (lúc này dưới 16 tuổi) nhằm chiếm đoạt tài sản (kết hợp giữa lời nói và hành vi như dọa đánh, xin khớp gối, dùng dao bén để yêu cầu bị hại trả tiền, thực hiện việc đòi nợ trái pháp luật); do vậy các bị cáo Nguyễn Y H, Trần Phương N và Lê Nhật T bị truy tố và xét xử về tội “Cưỡng đoạt tài sản” với tình tiết định khung là “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Lê Kiến D, Lê Ngọc Y và Nguyễn Nhật E: sau khi cùng H, N, T thực hiện hành vi bắt Tr đưa về giữ tại quán cà phê Chair thì chỉ ngồi tại cửa ra vào của quán, không có thể hiện việc thống nhất ý chí hành động hoặc có hành vi, lời nói gì cụ thể đe dọa buộc Tr trả tiền cho N như hành vi của H, N, T đã thực hiện đối với Tr; nên Lê Kiến D, Lê Ngọc Y và Nguyễn Nhật E không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thừa hành theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

+ Đối với tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”: Bị cáo Lê Nhật T đã có hành vi đe dọa dùng vũ lực để thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác [theo hướng dẫn tại Điều

2 và Điều 3 Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)] với nhiều cách quan hệ khác nhau; do vậy bị cáo Lê Nhật T bị truy tố và xét xử về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” theo điểm a khoản 1 Điều 142 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nguyễn Y H, Trần Phương N, Lê Kiến D, Lê Ngọc Y và Nguyễn Nhật E không thống nhất ý chí hành động và không biết về hành vi tự thực hiện này của T; nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các khách thể: quyền tự do thân thể của công dân và quyền sở hữu tài sản của người khác, nhân phẩm, danh dự của người dưới 16 tuổi, trật tự an toàn xã hội; làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục. Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện các hành vi với vai trò tương ứng khác nhau, cụ thể: Bị cáo N khởi xướng, rủ rê người khác cùng thừa hành. Bị cáo H vai trò tích cực nhất, chỉ huy việc thực hiện tội phạm, yêu cầu đồng phạm thực hiện hành vi theo mệnh lệnh của mình và thực tế các bị cáo còn lại đã thực hiện theo; D là người cung cấp thông tin, trực tiếp dùng vũ lực thực hiện hành vi; sau đó là Y hỗ trợ D thực hiện hành vi và D, Y thống nhất ý chí hành động trong việc lưu giữ bị hại sau này cùng với H, N, T; còn T là người thống nhất ý chí hành động thực hiện hành vi bắt bị hại và giữ vai trò tích cực trong việc lưu giữ bị hại sau này cùng với N và H.

- Về tình tiết tăng nặng: bị cáo H bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là xúi dục người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội đối với hành vi Bắt, giữ người trái pháp luật theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo T và N đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại và bị hại đã bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt, phạm tội thuộc trường hợp chưa D (chưa tiếp cận và chiếm đoạt được tài sản) đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); do vậy Hội đồng xét xử căn cứ để lượng hình thích hợp đối với các bị cáo; đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do mới bị kết án lần đầu.

Hội đồng xét xử xem xét đối với các bị cáo Trần Phương N, Lê Kiến D, Lê Ngọc Y có các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo N còn có thêm tình tiết: bản thân bị cáo là sinh viên, gia đình là người có công với Nhà nước (ông nội là Liệt sỹ, cha công tác trong lực lượng Công an nhân dân và được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất, bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho bị hại và bị hại xin bãi nại và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N; được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); ngoài ra khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều là người dưới 18 tuổi (N

dưới 16 tuổi, Y và D dưới 18 tuổi) và bị cáo N phạm tội thuộc trường hợp chưa D đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử xét thấy vì tương lai của các bị cáo và trường hợp phạm tội của các bị cáo, nên không cần thiết bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) tương ứng giảm nhẹ hình phạt và lượng hình thích hợp, ngắn nhất đối với từng bị cáo, cho các bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách tương ứng, giao cho Ủy ban nhân dân phường nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Đối với các bị cáo Nguyễn Y H, Lê Nhật T: Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo H giữ vai trò tích cực nhất trong các hành vi, bị cáo T là đồng phạm thống nhất ý chí hành động và thừa hành, giúp sức tích cực, phạm nhiều tội danh nhất; do vậy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo, đồng thời căn cứ vào Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt của nhiều tội, buộc các bị cáo H, T chấp hành hình phạt chung của các tội danh tương ứng.

- Đối với các nội dung và các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát, người bào chữa đề nghị áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định cụ thể như sau:

Đối với nội dung người bào chữa cho bị cáo H đề nghị: bị cáo H không phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, cho bị cáo hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và cho hưởng án treo đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Hội đồng xét xử cần nhận định như sau: Căn cứ vào kết quả kiểm tra nội dung tin nhắn điện thoại, lời khai của tất cả các bị cáo và người khác cùng thực hiện hành vi “Bắt, giữ người trái pháp luật”; đồng thời qua thực tế diễn biến hành vi và lời hiệu lệnh của bị cáo H, hành động của các bị cáo người thừa hành khác sau khi nghe hiệu lệnh của bị cáo H; Hội đồng xét xử có cơ sở xác định, bị cáo H đã thống nhất ý chí hành động cùng với các bị cáo khác tiến hành thực hiện hành vi đe dọa dùng vũ lực, uy hiếp tinh thần của bị hại, đưa lên xe trái với ý muốn của bị hại và giữ bị hại tại quán cà phê là hành vi “Bắt, giữ người trái pháp luật”; đồng thời trong hành vi này, bị cáo giữ vai trò chỉ huy việc thực hiện tội phạm trong nhóm các bị cáo bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, bị cáo thực hiện liên tiếp nhiều hành vi tội phạm, nên thuộc trường hợp không thể cho hưởng án treo và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử mức án thấp nhất của khung hình phạt đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận nội dung lời đề nghị của người bào chữa, tuy nhiên đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản” các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa D, do vậy Hội đồng xét xử sẽ căn cứ Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được

sửa đổi, bổ sung năm 2017), phân tích và lượng hình thích hợp đối với bị cáo như đã nhận định trên.

Đối với nội dung tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội” đối với bị cáo N trong vụ án này mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân đã đề nghị, Hội đồng xét xử cần nhận định như sau: Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là các tình tiết làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cụ thể, chứ không phải là đối với từng vụ án. Trong vụ án này, đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là *người xúi dục* là tội phạm và *người bị xúi giục*; trong vụ án này, có cơ sở xác định N đã rủ rê E là người dưới 18 tuổi cùng thực hiện hành vi “Bắt, giữ người trái pháp luật” đối với bị hại để đòi nợ; tuy nhiên bản thân N cũng như E đều là những người chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi này, nên hành vi “Bắt, giữ người trái pháp luật” của N, E trong vụ án này chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên không phải là tội phạm, ngoài ra N rủ rê E bắt bị hại về đòi nợ, nhưng việc Nam đòi nợ như đã nêu ở trên thì ngoài ý thức chủ quan của Nam, nên bản thân Nam không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” (hành vi của E chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm); do vậy, từ những nhận định trên, chưa đủ cơ sở chấp nhận lời đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội” tương ứng đối với từng loại hành vi của N đã thực hiện trong vụ án này; Hội đồng xét xử chỉ có cơ sở áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội” đối với H trong hành vi phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” như đã nhận định trên chứ không phải là tất cả các hành vi mà H đã thực hiện.

[6] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

- *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại đã được bồi thường, không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về xử lý vật chứng, tài sản:

Đối với: 01 quần jeans dài màu đen thu giữ của Lê Nhật T, 01 con dao cán nhựa màu đen (dài khoảng 10 cm, lưỡi dao bằng kim loại có lỗ tròn, dài khoảng 15cm) đây là con dao T sử dụng để đe dọa Tr; là công cụ hoặc đồ dùng cá nhân dùng vào việc phạm tội; vậy căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu và tiêu hủy.

Đối với: 01 điện thoại di động hiệu iPhone 6 Plus 128GB màu xám (IMEI: 355878063073886), 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A50 màu đen (IMEI1: 356646101302123; IMEI2: 356647101302121), 01 điện thoại di động hiệu iPhone 7 Plus 128GB màu đen (IMEI: 353807081406242); tất cả có cơ sở xác định là phương tiện dùng vào việc phạm tội; vậy căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu vàng (IMEI1: 358301075077552; IMEI2: 358302075077550) thu giữ của Lê Ngọc Y, không có cơ sở xác định là phương tiện dùng vào việc phạm tội, là tài sản cá nhân của bị cáo; do vậy, xem xét giao trả lại cho bị cáo.

Đối với: 01 xe máy hiệu Honda Lead biển số: 59G1-202.81 (loại xe: xe máy, nhãn hiệu: Honda Lead, màu sơn: vàng đen, số khung: Y-522014, số máy: F24E-0124853) thu giữ của Nguyễn Nhật E; qua giám định xe có số máy, số khung không đổi, xe do bà Nguyễn Thị Linh T đứng tên giấy đăng ký xe, hiện nay không xác định được bà Thảo ở đâu, nên Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu đến nay chưa có kết quả; về phía bà Trương Thị H (mẹ của E) khai xe trên do ông Nguyễn Minh T (chồng bà H) mua thanh lý tại cửa hàng cầm đồ (địa chỉ: 596 đường H.T.P, phường P, Quận Z, Tp.Hồ Chí Minh) với giá 13.000.000 đồng nhưng chưa làm thủ tục sang tên, bà Hoàng Kim Ng (chủ tiệm cầm đồ) xác nhận có bán thanh lý xe trên cho ông T nhưng do đã ngừng kinh doanh cầm đồ nên không còn lưu giữ thông tin khách cầm cố; xét thấy hành vi của E không cấu thành tội phạm, nên không xác định là phương tiện phạm tội, do vậy chuyển giao vật chứng trên cho Công an quận Phú Nhuận xử lý theo thẩm quyền hành chính.

Đối với: 01 xe máy hiệu Honda Wave RS biển số: 55Y8-6421 (loại xe: xe máy, nhãn hiệu: Honda Wave RS, màu sơn: đỏ, số khung: RLHJC4320AY110209, số máy: JC43E-5567826) thu giữ của Lê Kiến D; qua giám định xe có số máy, số khung không đổi; qua xác Y xe do bà Phạm Thị H đứng tên giấy đăng ký xe; bà Huệ khai tháng 06/2010 đứng tên giúp cho anh họ là ông Phan Thành C, ông C trình bày: tháng 01/2011 bị mất xe tại đường T.C, phường Y, quận V; qua xác Y, Công an quận V không tiếp nhận, thụ lý vụ mất xe của ông C; Lê Kiến D trình bày xe trên do cha dựng ông Trần Văn T (không nhớ lai lịch) cho D để sử dụng làm phương tiện đi lại khoảng 2 năm nay, giấy tờ xe không có. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017), trả lại chiếc xe trên cho ông Phan Thành C quản lý; trường hợp sau này có tranh chấp phát sinh sẽ được giải quyết trong vụ án dân sự khác khi đôi bên xuất trình yêu cầu và chứng cứ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với: 01 xe máy hiệu Yamaha biển số: 54P9-2581 (loại xe: xe máy, nhãn hiệu: Yamaha, màu sơn: trắng, số khung: 36106A112901, số máy: E394E-112858) thu giữ của Nguyễn Y H; qua giám định xe có số máy, số khung không đổi, xe do ông Nguyễn Văn H (em ruột của bà Nguyễn Thị P.H, mẹ của H) đứng tên chủ sở hữu; ông H xác nhận có mua và đứng tên xe trên dùm bà P.H; bà P.H cho H mượn xe để làm phương tiện đi lại, việc H sử dụng làm phương tiện phạm tội thì bà P.H không biết; do vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) trả lại cho bà Nguyễn Thị P.H.

- Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Y H, Lê Kiến D, Lê Ngọc Y và Lê Nhật T phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Nguyễn Y H, Trần Phương N và Lê Nhật T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” (Phạm tội chưa đạt).

Lê Nhật T phạm tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”.

- Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 157; điểm c khoản 2 Điều 170; điểm a khoản 1 Điều 142; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 57; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Nhật T;

Xử phạt bị cáo Lê Nhật T 02 (hai) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, 03 (ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, 07 (bảy) năm tù về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của ba tội là **12 (mười hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 28/06/2019.

- Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 157; điểm c khoản 2 Điều 170; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 57; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Y H;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Y H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là **07 (năm) tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2020.

- Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 57; Điều 91; Điều 101; Điều 102; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Phương N;

Xử phạt bị cáo Trần Phương N **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 01/7/2022).

Giao Trần Phương N cho Ủy ban nhân dân phường nơi cư trú (Phường N, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh) để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. (Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.)

- Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Kiến D;

Xử phạt bị cáo Lê Kiến D **01 (một) tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 01/7/2022).

Giao Lê Kiến D cho Ủy ban nhân dân phường nơi cư trú (Phường K, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. (Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.)

- Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Ngọc Y;

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc Y **01 (một) năm tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 01/7/2022).

Giao Lê Ngọc Y cho Ủy ban nhân dân phường nơi cư trú (Phường Z, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh) để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. (Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.)

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Tịch thu, nộp Ng sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu iPhone 6 Plus 128GB màu xám (IMEI: 355878063073886), 01 điện thoại di động hiệu Samsung A50 màu đen (IMEI1: 356646101302123; IMEI2: 356647101302121), 01 điện thoại di động hiệu iPhone 7 Plus 128GB màu đen (IMEI: 353807081406242).

- Chuyển giao Công an quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử lý theo thẩm quyền hành chính đối với: 01 xe máy hiệu Honda Lead biển số: 59G1-202.81 (loại xe: xe máy, nhãn hiệu: Honda Lead, màu sơn: vàng đen, số khung: Y-522014, số máy: F24E-0124853).

- Trả lại bị cáo Lê Ngọc Y: 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu vàng (IMEI1: 358301075077552; IMEI2: 358302075077550).

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) trả lại:

*Bà Nguyễn Thị P.H: 01 xe máy hiệu Yamaha biển số: 54P9-2581 (loại xe: xe máy, nhãn hiệu: Yamaha, màu sơn: trắng, số khung: 36106A112901, số máy: E394E-112858).

*Ông Phan Thành C: 01 xe máy hiệu Honda Wave RS biển số: 55Y8-6421 (loại xe: xe máy, nhãn hiệu: Honda Wave RS, màu sơn: đỏ, số khung: RLHJC4320AY110209, số máy: JC43E-5567826).

(Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/12/2021 giữa Công an quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc: Mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa tính từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án.

(Đã giải thích chế định án treo)/.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP HCM;
- VKSND Q.Phú Nhuận;
- CA Q.Phú Nhuận;
- Bị cáo;
- Chi cục THADS Q.Phú Nhuận;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương Giang